

Số: /2026/NQ-HĐND

Hưng Yên, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi thực hiện Chương trình xúc tiến
thương mại tỉnh Hưng Yên**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 28/2018/NĐ-CP của Chính phủ về Quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương;

Căn cứ Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 11/2019/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại;

Căn cứ Thông tư số 40/2020/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2019/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại;

Căn cứ Thông tư số 45/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc lập dự toán, phân bổ, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại và Chương trình cấp quốc gia về xây dựng, phát triển thương hiệu;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định mức chi thực hiện Chương

trình xúc tiến thương mại tỉnh Hưng Yên; Báo cáo thẩm tra số /BC-KTNS ngày tháng năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức chi thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Hưng Yên.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Hưng Yên theo quy định tại điểm h khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đơn vị chủ trì xây dựng Chương trình xúc tiến thương mại (sau đây gọi tắt là Chương trình), gồm: Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị được giao chức năng quản lý nhà nước có liên quan.

2. Đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình là các tổ chức xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh có kế hoạch xúc tiến thương mại đáp ứng mục tiêu, điều kiện của Nghị quyết này và được thủ trưởng cơ quan chủ trì xây dựng Chương trình thẩm định, phê duyệt, đưa vào kế hoạch thực hiện dự toán ngân sách nhà nước hàng năm. Đơn vị tổ chức thực hiện Chương trình phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Có tư cách pháp nhân;

b) Có khả năng huy động các nguồn lực để tổ chức thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại;

c) Có kinh nghiệm, năng lực trong việc tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại;

d) Thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại nhằm mang lại lợi ích cho cộng đồng và không nhằm mục đích lợi nhuận.

đ) Các đơn vị chủ trì được tiếp nhận kinh phí hỗ trợ để triển khai thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại và có trách nhiệm quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình là các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ sản xuất, kinh doanh và các tổ chức xúc tiến thương mại Việt Nam được thành lập theo quy định pháp luật hiện hành. Các đơn vị tham gia thực hiện Chương trình được hỗ trợ kinh phí thông qua Đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình theo từng nội dung quy định tại Nghị quyết này. Trường hợp có nhiều mức hỗ trợ đối với từng hoạt động được quy định tại nhiều văn bản khác nhau, đơn vị tham gia thực hiện chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất. Các đơn vị tham gia thực hiện Chương trình phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- a) Hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- b) Có ngành nghề, lĩnh vực hoạt động phù hợp với quy định của từng nội dung xúc tiến cụ thể do các Đơn vị chủ trì xây dựng Chương trình thực hiện.

4. Cơ quan quản lý nhà nước đối với Chương trình: Sở Công Thương là cơ quan đầu mối quản lý Chương trình, chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ triển khai Chương trình theo quy định.

5. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

- 1. Nguồn ngân sách tỉnh cấp cho Sở Công Thương hàng năm.
- 2. Ngân sách trung ương hỗ trợ để thực hiện Chương trình
- 3. Đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp tham gia hoạt động xúc tiến thương mại.
- 4. Tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
- 5. Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định pháp luật.

Điều 4. Mức chi đối với hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương

1. Kết nối giao thương, tham gia hệ thống phân phối ở nước ngoài và tại Việt Nam

a) Tổ chức và tham gia hội nghị, hội chợ, triển lãm, giao dịch, sự kiện xúc tiến thương mại ở nước ngoài và tại Việt Nam phục vụ xuất khẩu, nhập khẩu.

b) Tư vấn, hỗ trợ xây dựng hệ thống phân phối và khu vực trưng bày, giới thiệu hàng hóa xuất khẩu ở nước ngoài và tại Việt Nam.

c) Tổ chức đoàn khảo sát thị trường, giao dịch với các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài.

d) Tổ chức đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào tỉnh Hưng Yên tham gia các hội nghị, hội chợ, triển lãm, khảo sát thị trường và giao dịch với doanh nghiệp tỉnh Hưng Yên.

đ) Tổ chức các hoạt động giao thương, kết nối thông qua các sàn giao dịch thương mại điện tử, cổng thông tin điện tử, mạng internet, mạng viễn thông.

e) Các hoạt động kết nối giao thương, tham gia hệ thống phân phối cụ thể khác do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

g) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ đơn vị chủ trì thực hiện chương trình tối đa 100% kinh phí áp dụng cho các hoạt động xúc tiến thương mại quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e Khoản 1 Điều này. Mỗi đơn vị tham gia thực hiện chương trình được hỗ trợ tối đa không quá 500 triệu đồng/chương trình.

2. Hỗ trợ phát triển, vận hành hạ tầng thương mại, logistics phục vụ hoạt động ngoại thương

a) Hỗ trợ phát triển hạ tầng thương mại, logistics phục vụ hoạt động ngoại

thương gồm: Các trung tâm hội chợ, triển lãm, hạ tầng xúc tiến thương mại; các trung tâm logistics, các kho ngoại quan, điểm thu gom hàng lẻ (CFS).

b) Tổ chức, tham gia hội nghị, hội chợ, triển lãm ở nước ngoài về logistics;

c) Mời đoàn doanh nghiệp vào tỉnh Hưng Yên trao đổi về cơ hội đầu tư, hợp tác về phát triển dịch vụ logistics;

d) Tổ chức diễn đàn logistics Hưng Yên, tổ chức hội chợ triển lãm quốc tế về logistics tại tỉnh Hưng Yên.

đ) Các chương trình hỗ trợ phát triển, vận hành hạ tầng thương mại, logistics phục vụ hoạt động ngoại thương khác do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

e) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ đơn vị chủ trì thực hiện chương trình tối đa 100% kinh phí áp dụng cho các hoạt động xúc tiến thương mại quy định tại Điểm a, c, c, d, đ Khoản 2 Điều này. Mỗi đơn vị tham gia thực hiện chương trình được hỗ trợ tối đa không quá 300 triệu đồng/chương trình.

3. Hoạt động hỗ trợ nghiên cứu, phát triển, nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

a) Xây dựng và phát hành thông tin, cơ sở dữ liệu về sản phẩm, ngành hàng, thị trường; hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, áp dụng và tuân thủ các quy định tiêu chuẩn, điều kiện của các tổ chức nhập khẩu, cam kết quốc tế về sản phẩm xuất khẩu, nhập khẩu;

b) Tổ chức và tham gia các chương trình khảo sát, hoạt động nghiên cứu, tìm hiểu thông tin về sản phẩm, ngành hàng, thị trường;

c) Hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn trong nước và nước ngoài cung cấp thông tin về phát triển sản phẩm, ngành hàng, thị trường;

d) Tổ chức tuyên truyền, quảng bá các sản phẩm có tiềm năng xuất khẩu trên các phương tiện truyền thông trong nước và nước ngoài.

đ) Đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức nâng cao năng lực thiết kế, phát triển sản phẩm xuất khẩu cho các doanh nghiệp và các nhà thiết kế;

e) Tổ chức hoạt động tư vấn, thuê chuyên gia tư vấn, hỗ trợ thực hiện thiết kế, phát triển sản phẩm;

g) Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thiết kế phát triển sản phẩm;

h) Tổ chức hoạt động kết nối giữa doanh nghiệp với các nhà thiết kế;

i) Tuyên truyền quảng bá về phát triển thiết kế;

k) Các hoạt động khác liên quan tới hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực thiết kế;

l) Hỗ trợ nâng cao năng lực xây dựng, phát triển và bảo vệ thương hiệu;

m) Các hoạt động xúc tiến thương mại phát triển sản phẩm, ngành hàng,

thị trường cụ thể khác do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định

n) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ đơn vị chủ trì thực hiện chương trình tối đa 100% kinh phí áp dụng cho các hoạt động xúc tiến thương mại quy định tại Điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m Khoản 3 Điều này. Mỗi đơn vị tham gia thực hiện chương trình được hỗ trợ tối đa không quá 200 triệu đồng/chương trình.

4. Đào tạo, nâng cao năng lực xúc tiến thương mại, phát triển thị trường

a) Đào tạo, tập huấn, tư vấn, nâng cao năng lực (trực tiếp và trực tuyến) về các nội dung: Tìm kiếm, thu thập và xử lý thông tin thương mại, khảo sát và nghiên cứu thị trường, ngành hàng xuất khẩu; Xây dựng và triển khai chiến lược marketing xuất khẩu, nhập khẩu; Xây dựng và quảng bá thương hiệu cho các ngành hàng xuất khẩu tiềm năng, nâng cao năng lực xây dựng và quảng bá nhãn hiệu sản phẩm; Tổ chức và tham gia các chương trình xúc tiến thương mại, hội nghị, hội chợ, triển lãm, giao dịch; Tổ chức và tham gia các hoạt động, kết nối giao thương, tham gia hệ thống phân phối, bao gồm cả các hoạt động giao thương, kết nối thông qua các sàn giao dịch thương mại điện tử, cổng thông tin điện tử, mạng internet, mạng viễn thông; Đàm phán, ký kết, thực hiện hợp đồng; xử lý tranh chấp thương mại quốc tế; Thiết kế phát triển sản phẩm đáp ứng nhu cầu của thị trường; Năng lực, kỹ năng xúc tiến thương mại khác do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

b) Xây dựng và phát hành các ấn phẩm, tài liệu đào tạo, tập huấn, tư vấn, nâng cao năng lực xúc tiến thương mại, phát triển thị trường.

c) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ đơn vị chủ trì thực hiện chương trình tối đa 100% kinh phí áp dụng cho một trong các hoạt động xúc tiến thương mại quy định tại Điểm a, b Khoản 4 Điều này. Mỗi chương trình hỗ trợ tối đa không quá 300 triệu đồng.

Điều 5. Mức chi đối với hoạt động xúc tiến thương mại phát triển thị trường trong nước

1. Tổ chức hội chợ, triển lãm, các hoạt động bán hàng, chương trình giới thiệu sản phẩm, Chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, các khu, cụm công nghiệp, khu đô thị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên và các tỉnh, thành trong nước.

a) Thuê, chuẩn bị mặt bằng; thiết kế và dàn dựng nhà bạt, gian hàng.

b) Trang trí hội chợ, triển lãm, dựng cổng, pano, hàng rào, khu vực ban tổ chức, khu vực kỹ thuật, thiết bị trình chiếu, âm thanh, ánh sáng, các bục, giá kệ, bàn để trưng bày sản phẩm.

c) Dịch vụ phục vụ: điện, nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ, phòng cháy chữa cháy, y tế (nếu không nằm trong chi phí thuê mặt bằng tại điểm a khoản 1 Điều

này).

d) Tuyên truyền, quảng bá hội chợ trên các phương tiện thông tin đại chúng, trực quan và các hình thức tuyên truyền khác theo quy định.

đ) Tổ chức lễ khai mạc, bế mạc hội chợ, triển lãm gồm: sân khấu, nhà đại biểu, bàn ghế, trang trí khánh tiết, âm thanh, ánh sáng, thiết bị trình chiếu, nước, biển tên và các chi phí liên quan khác.

e) Tổ chức ca nhạc, biểu diễn văn nghệ.

g) Chi phí quản lý của đơn vị chủ trì thực hiện (nếu có) gồm: phí thẩm định giá, phí đấu thầu, bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm, thuê phương tiện, công tác phí, nhân công phục vụ.

h) Các khoản chi khác (nếu có).

i) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ đơn vị chủ trì thực hiện chương trình tối đa 100% kinh phí áp dụng cho các nội dung quy định tại Điểm a, b, c, d, đ, e, g, h Khoản 1 Điều này. Mỗi đơn vị tham gia thực hiện chương trình được hỗ trợ tối đa không quá 20 triệu đồng/chương trình.

2. Tham gia hội chợ, triển lãm, các chương trình xúc tiến thương mại trong tỉnh và trong nước.

a) Thuê mặt bằng, thuê gian hàng;

b) Thiết kế, dàn dựng, thiết bị trình chiếu, âm thanh ánh sáng, trang thiết bị trưng bày sản phẩm, tài liệu, trang trí khu trưng bày;

c) Dịch vụ phục vụ như điện, nước, bảo vệ, vệ sinh, internet ...

d) Chi phí vận chuyển, bốc xếp trang thiết bị, sản phẩm hàng hóa.

đ) Phương tiện đi lại, công tác phí cho nhân sự tham gia thực hiện chương trình.

e) Các khoản chi khác (nếu có).

g) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ đơn vị chủ trì thực hiện chương trình tối đa 100% kinh phí áp dụng cho các nội dung quy định tại Điểm a, b, c, d, đ, e Khoản 2 Điều này. Mỗi đơn vị tham gia thực hiện chương trình được hỗ trợ tối đa không quá 2 gian hàng tiêu chuẩn hoặc 20m² đất trồng trong nhà tiền chế, ngoài trời để trưng bày sản phẩm của đơn vị mình.

3. Tổ chức đoàn nghiên cứu thị trường trong nước

a) Chi phí đi lại.

b) Phụ cấp lưu trú.

c) Tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác

d) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ đơn vị chủ trì thực hiện chương trình tối đa 100% kinh phí áp dụng cho các nội dung quy định tại Điểm a, b, c Khoản 3 Điều này. Mỗi chương trình hỗ trợ tối đa không quá 300 triệu đồng.

4. Điều tra, khảo sát và thu thập thông tin thống kê về nhu cầu sản

phẩm, ngành hàng, thị trường

- a) Chi xây dựng phương án điều tra thống kê và lập mẫu phiếu điều tra thống kê.
- b) Chi tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra thống kê.
- c) Chi in tài liệu hướng dẫn điều tra thống kê, phiếu điều tra thống kê, biểu mẫu điều tra thống kê;
- d) Chi tiền công.
- đ) Chi công tác kiểm tra, giám sát hoạt động điều tra thống kê, phúc tra phiếu điều tra thống kê.
- e) Chi cho đối tượng cung cấp thông tin;
- g) Chi vận chuyển tài liệu điều tra thống kê, thuê xe phục vụ điều tra thống kê thực địa.
- h) Chi xử lý kết quả điều tra thống kê.
- i) Các khoản chi khác liên quan đến cuộc điều tra thống kê, bao gồm: Văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, xăng xe; Làm ngoài giờ.
- k) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ đơn vị chủ trì thực hiện chương trình tối đa 100% kinh phí áp dụng cho các nội dung quy định tại Điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i Khoản 4 Điều này. Mỗi chương trình hỗ trợ tối đa không quá 200 triệu đồng.

5. Tổ chức, tham gia các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn, chương trình kết nối giao thương để xúc tiến tiêu thụ sản phẩm, quảng bá doanh nghiệp, thương hiệu sản phẩm của tỉnh trên địa bàn tỉnh và các tỉnh, thành phố trong nước.

- a) Thuê hạ tầng dịch vụ tổ chức sự kiện.
- b) Tổ chức gian hàng, khu vực trưng bày triển lãm, giới thiệu sản phẩm bên lề hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn: Thiết kế, dàn dựng, thiết bị và trang trí.
- c) Dịch vụ phục vụ: điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ, phòng cháy chữa cháy, y tế nếu không nằm trong chi phí thuê hạ tầng dịch vụ tổ chức sự kiện tại Điểm a Khoản 1 Điều này.
- d) Tuyên truyền, quảng bá sự kiện trên các phương tiện thông tin đại chúng, trực quan và các hình thức khác theo quy định.
- đ) Vận chuyển tư liệu và hàng hóa trưng bày tại sự kiện.
- e) Chi phí ăn, nghỉ, đi lại cho đại biểu tham dự chương trình; Thù lao, công tác phí cho giảng viên, báo cáo viên; Giải khát giữa giờ, tài liệu, văn phòng phẩm cho đại biểu.
- g) Tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì thực hiện (nếu có) gồm: phí thăm định giá, phí đấu thầu, bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm, thuê phương tiện đi lại hoặc nhiên liệu xe công tác, dịch vụ sử dụng đường bộ, nhân công phục

vụ.

h) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ đơn vị chủ trì thực hiện chương trình tối đa 100% kinh phí áp dụng cho các nội dung quy định tại Điểm a, b, c, d, đ, e, g Khoản 5 Điều này, mức chi áp dụng theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC.

6. Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực xúc tiến thương mại, phát triển thị trường; chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, thương mại điện tử.

a) Biên soạn nội dung đào tạo, tập huấn; biên dịch, phiên dịch; in ấn tài liệu, văn phòng phẩm;

b) Thù lao, ăn, ở, đi lại cho giảng viên, báo cáo viên;

c) Hội trường, thiết bị, trang trí, giải khát giữa giờ, coi xe;

d) Kinh phí đi lại, ăn nghỉ cho học viên.

đ) Công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức, bưu chính, điện thoại của đơn vị chủ trì.

e) Các khoản chi khác (nếu có).

g) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ đơn vị chủ trì thực hiện chương trình tối đa 100% kinh phí áp dụng cho các nội dung quy định tại Điểm a, b, c, d, đ, e Khoản 6 Điều này. Mỗi khóa đào tạo, tập huấn hỗ trợ tối đa không quá 300 triệu đồng.

7. Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hóa và dịch vụ của Hưng Yên đến nhà đầu tư, người tiêu dùng trong nước qua các hoạt động truyền thông trên báo giấy, báo điện tử, phát thanh, truyền hình, ấn phẩm và các hình thức phổ biến thông tin khác .

a) Biên soạn, xây dựng nội dung

b) Phát hành sản phẩm.

c) Công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia thực hiện, bưu chính, điện thoại của đơn vị chủ trì.

d) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ đơn vị chủ trì thực hiện chương trình tối đa 100% kinh phí áp dụng cho các nội dung quy định tại Điểm a, b, c Khoản 7 Điều này. Mỗi chương trình hỗ trợ tối đa không quá 400 triệu đồng.

8. Hỗ trợ tổ chức, tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại trên môi trường mạng.

a) Hỗ trợ xây dựng khu vực trưng bày, giới thiệu hàng hóa trên sàn giao dịch thương mại điện tử;

b) Tổ chức, tham gia gian hàng của các hội chợ, triển lãm trên môi trường mạng;

c) Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn cung cấp thông tin về

phát triển sản phẩm, ngành hàng, thị trường trên môi trường mạng;

d) Tổ chức đào tạo, tập huấn trên môi trường mạng;

đ) Tổ chức các hoạt động bán hàng trên các nền tảng mạng xã hội.

e) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% kinh phí áp dụng cho các nội dung quy định tại Điểm a, b, c, d, đ Khoản 8 Điều này cho đơn vị chủ trì.

9. Các hoạt động xúc tiến thương mại khác hoặc đột xuất do UBND tỉnh quyết định.

a) Hỗ trợ 100% kinh phí áp dụng cho các hoạt động xúc tiến thương mại khác do UBND tỉnh quyết định.

b) Hỗ trợ 100% kinh phí áp dụng cho các hoạt động xúc tiến thương mại đột xuất do UBND tỉnh quyết định.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo quy định của văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên Khóa, Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Bộ Công Thương (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp (Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật);

CHỦ TỊCH

Trần Quốc Văn

- Kiểm toán Nhà nước khu vực XI;
- Kho bạc nhà nước khu vực IV;
- Đảng ủy, Thường trực HĐND, UBND,
Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh Hưng Yên;
- Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh Hưng Yên;
- Báo và PTTH Hưng Yên;
- Lưu: VT, CV^M.